

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN
Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 9 446 218 Fax: (84-4) 9 446 213

Mẫu số B01a-CTCK
Theo TT số 95/2008/TT-BTC
Ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ 4 NĂM 2010
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		347.007.738.101	224.727.236.362
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.470.752.050	66.052.770.960
1	Tiền	111		18.470.752.050	66.052.770.960
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	26.993.816.705	2.452.593.860
1	Đầu tư ngắn hạn	121		35.789.922.733	2.551.529.051
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.11	(8.796.106.028)	(98.935.191)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		299.390.831.727	155.115.806.187
1	Phải thu khách hàng	131		2.000.000	16.000.000
2	Trả trước cho người bán	132		174.612.226	171.862.226
4	Phải thu hoạt động giao dịch CK	135		294.325.943.403	154.266.508.359
5	Các khoản phải thu khác	138		4.888.276.098	661.435.602
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.152.337.619	1.106.065.355
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		2.152.337.619	1.106.065.355
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		31.113.256.773	40.048.171.974
II	Tài sản cố định	220		4.851.807.431	5.294.116.480
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	3.301.081.069	3.749.366.867
-	Nguyên giá	222		7.998.868.052	6.978.204.991
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.697.786.983)	(3.228.838.124)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	1.550.726.362	1.544.749.613
-	Nguyên giá	228		3.005.371.833	2.419.571.833
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.454.645.471)	(874.822.220)
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.059.000.000	27.868.500.000
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	V.07	5.059.000.000	12.868.500.000
4	Đầu tư dài hạn khác	258		15.000.000.000	15.000.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		6.202.449.342	6.885.555.494
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		1.807.655.664	1.587.671.539
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2.963.915.168



3	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.947.008.093	984.983.202
4	Tài sản dài hạn khác	268		1.447.785.585	1.348.985.585
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	250		378.120.994.874	264.775.408.336
	NGUỒN VỐN				
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		225.845.442.027	121.466.700.323
I	Nợ ngắn hạn	310		225.845.442.027	121.466.700.323
2	Phải trả người bán	312	V.08	368.096.344	469.824.644
3	Người mua trả tiền trước	313	V.12	148.000.000	33.000.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.013.922.195	203.324.664
5	Phải trả người lao động	315		-	-
6	Chi phí phải trả	316		-	56.000.000
9	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	242.800
10	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322	V.13	3.622.552.000	840.107.600
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		219.692.871.488	119.864.200.615
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		152.275.552.847	143.308.708.013
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	152.275.552.847	143.308.708.013
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		139.000.000.000	139.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		11.130.000.000	11.130.000.000
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.145.552.847	(6.821.291.987)
II	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		378.120.994.874	264.775.408.336

Hà nội, ngày 05 tháng 1 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

P. Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Hương


Nguyễn Thị Ngọc Lan


Trịnh Văn Toàn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRẦN AN
Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

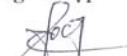
Mẫu số B02a-CTCK
Ban hành theo TT số 95/2008/TT-BTC
ngày 24/10/2008 của Bộ Tài Chính

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 4 NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu:	01		22.612.588.372	18.273.179.878	56.391.009.725	46.818.952.986
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.119.781.065	11.070.610.078	16.980.423.966	29.807.149.617
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, vốn góp	01.2		1.347.210.169	3.800.283.584	16.056.604.238	5.130.867.961
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		7.592.019.278	180.000.000	7.959.019.278	615.000.000
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		25.217.041	8.147.934	38.709.137	10.975.934
- Doanh thu khác	01.9		10.528.360.819	3.214.138.282	15.356.253.106	11.254.959.474
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		22.612.588.372	18.273.179.878	56.391.009.725	46.818.952.986
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11		14.379.641.171	10.080.964.903	31.160.453.853	20.807.291.148
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		8.232.947.201	8.192.214.975	25.230.555.872	26.011.661.838
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.655.631.823	2.983.093.572	13.274.762.762	10.967.222.816
7 Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		4.577.315.378	5.209.121.403	11.955.793.110	15.044.439.022
8 Thu nhập khác	31		-	36.591	-	36.591
9 Chi phí khác	32		-	1.500.000	-	1.653.883
10 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(1.463.409)	-	(1.617.292)
11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.577.315.378	5.207.657.994	11.955.793.110	15.042.821.730
12 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1	25.033.109	-	25.033.109	-
13 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.2	1.119.295.736	3.315.561.383	2.963.915.169	3.761.136.503
14 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.432.986.533	1.892.096.611	8.966.844.832	11.281.685.227
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		247	136	645	812

Người lập


Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Ngọc Lan

P. Tổng giám đốc


Trịnh Văn Toàn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN
Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (84-4) 2 9 446 218 Fax: (84-4) 2 9 446 213

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 4 năm 2010

Mẫu B03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ 4-2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh CK			
1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	56.391.009.725	46.927.452.986
2 Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	02	(22.460.787.325)	(22.548.326.833)
3 Tiền chi trả quỹ hỗ trợ thanh toán	05	-	(513.999.080)
4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	12.377.246.838.043	15.525.465.873.084
5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(12.422.103.224.221)	(15.521.737.444.980)
6 Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	-	-
7 Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(162.266.518.200)	(31.314.888.300)
8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	10	(920.473.645)	(1.217.769.341)
9 Tiền chi trả cho người lao động	11	(10.377.615.794)	(6.124.407.952)
10 Tiền chi trả lãi vay	12	(2.495.691)	(204.495.377)
11 Tiền đã nộp thuế TNDN	13	-	-
12 Tiền thu khác	14	989.937.260.171	509.934.123.343
13 Tiền chi khác	15	(851.419.548.912)	(539.316.041.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh CK	20	(45.975.555.849)	(40.649.923.468)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.606.463.061)	(769.857.257)
2 Tiền thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.606.463.061)	(769.857.257)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	15.000.000.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(15.000.000.000)
5 Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(47.582.018.910)	(41.419.780.725)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	66.052.770.960	107.472.551.685
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	18.470.752.050	66.052.770.960

Hà Nội, ngày 5 tháng 1 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

P. Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Hương


Nguyễn Thị Ngọc Lan


Trịnh Văn Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Tầng 9, Tòa nhà 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04.39446 218/ Fax: 04.39446213

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/10/2010 đến 31/12/2010

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trăng An là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, Tòa nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hà Nội.

Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: Số 57-59 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh Công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quyết định số 194/UBCK-GP ngày 03/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Chứng khoán, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Tổng số công nhân viên và người lao động: 90 người trong đó có 15 nhân viên quản lý

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu qua nạn mà đơn vị được hình là không có khả năng thu hồi được.

2.5 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 04 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	04-05 năm
- Phần mềm quản lý	04 năm

2.6 Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kế từ ngày mua.

2.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.8 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm 31/12 là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.10 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

107
G
PH
KH
IG
G-Y

2.14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3 . TIỀN

	31/12/2010 VND	30/09/2010 VND
Tiền mặt tại quỹ	710.731.104	1.797.584.539
Tiền gửi ngân hàng	17.760.020.946	78.352.380.487
Cộng	18.470.752.050	80.149.965.026

4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ (VND)
a) Của Công ty Chứng khoán	1.031.150	22.980.036.000
- Cổ phiếu	1.031.150	22.980.036.000
b) Của người đầu tư	96.795.039	1.968.167.888.400
- Cổ phiếu	96.795.039	1.968.167.888.400
Tổng cộng	97.826.189	1.991.147.924.400

5 . TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
I. Chứng khoán thương mại	944.087	35.789.922.733		
II. Chứng khoán đầu tư				
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	148.463	5.059.000.000		
III. Đầu tư góp vốn		15.000.000.000		
IV. Đầu tư tài chính khác				
Tổng cộng	1.092.550	55.848.922.733		

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010 VND	30/09/2010 VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	294.325.943.403	325.772.494.289
Cộng	294.325.943.403	325.772.494.289

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	30/09/2010 VND
Phải thu khác	4.888.276.098	3.157.608.508
Cộng	4.888.276.098	3.157.608.508

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Máy móc, thiết bị	Dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu kỳ	4.990.718.088	845.680.117	1.931.282.440	7.767.680.645
2. Số tăng trong kỳ	142.271.713	88.915.694	-	231.187.407
- Mua sắm mới	142.271.713	88.915.694	-	231.187.407
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	5.132.989.801	934.595.811	1.931.282.440	7.998.868.052
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu kỳ	3.148.122.335	344.654.171	846.156.276	4.338.932.782
2. Số tăng trong kỳ	236.051.329	62.450.296	60.352.576	358.854.201
- Trích khấu hao	236.051.329	62.450.296	60.352.576	358.854.201
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	3.384.173.664	407.104.467	906.508.852	4.697.786.983
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu kỳ	1.842.595.753	501.025.946	1.085.126.164	3.428.747.863
2. Cuối kỳ	1.748.816.137	527.491.344	1.024.773.588	3.301.081.069

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	2.943.171.833	2.943.171.833
2. Số tăng trong năm	62.200.000	62.200.000
- Mua sắm mới	62.200.000	62.200.000
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	3.005.371.833	3.005.371.833
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	1.312.721.368	1.312.721.368
2. Số tăng trong năm	141.924.103	141.924.103
- Trích khấu hao	141.924.103	141.924.103
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	1.454.645.471	1.454.645.471
III. Giá trị còn lại		
1. Đầu năm	1.630.450.465	1.630.450.465
2. Cuối năm	1.550.726.362	1.550.726.362

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2010	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chi tiêu	Giá trị	
139.000.000.000	Nguyên giá	11.004.239.885	0,08
	Khấu hao	(6.152.432.454)	
	Giá trị còn lại	4.851.807.431	0,03
Cộng	x	x	x

10 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2010	30/09/2010
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	447.753.846	447.753.846
Tiền nộp bổ sung	2.368.662.565	2.368.662.565
Tiền lãi phân bổ	130.591.682	130.591.682
Số cuối năm	2.947.008.093	2.947.008.093

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	30/09/2010
	VND	VND
Thuế GTGT	749.766.128	
Thuế TNCN	1.239.122.958	663.717.822
Thuế TNDN	25.033.109	-
Cộng	2.013.922.195	663.717.822

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	30/09/2010
	VND	VND
Phải trả người bán	368.096.344	27.350.000
Người mua trả trước tiền hàng	148.000.000	17.761.255
Phải trả hoạt động giao dịch CK	-	-
Phải trả cổ tức, gốc và lãi TP	-	152.100
Thuế và các khoản phải nộp NN	2.013.922.195	663.717.822
Phải trả nhân viên	-	646.543.377
Phải trả tổ chức phát hành CK	3.622.552.000	5.018.084.474
Phải trả phải nộp khác	219.692.871.489	318.890.985.505
- Thanh toán bù trừ GDCK	24.568.448.000	45.101.101.800
- Nhận ký quỹ của NĐT	194.982.011.280	261.236.808.206
- Phải trả, phải nộp khác	142.412.209	12.553.075.499
Cộng	445.538.313.517	644.155.580.038

13 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2010	30/09/2010
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	417.453.263
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	417.453.263

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.000.000.000	-	-	139.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.130.000.000	-	-	11.130.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(1.989.276.161)	4.134.829.008	-	2.145.552.847
Tổng cộng	148.140.723.839	4.134.829.008	-	152.275.552.847

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của Nhà nước	0%	-	0%	-
Vốn góp của đối tượng khác	100%	139.000.000.000	100%	139.000.000.000
Cộng	100%	139.000.000.000	100%	139.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.000.000.000	139.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>139.000.000.000</i>	<i>139.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>139.000.000.000</i>	<i>139.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.900.000	13.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.900.000	13.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.900.000</i>	<i>13.900.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.900.000	13.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.900.000</i>	<i>13.900.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	154	(143)

15. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan





CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TRẢNG AN
(TAS)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/CV-TAS
V/v: Giải trình KQKD Quý 4/2010

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2011

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Chứng khoán Trảng An (mã chứng khoán: TAS)

Trụ sở chính: Tầng 9, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số đăng ký kinh doanh: 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tình hình biến động Kết quả kinh doanh Quý 4/2010 so với Quý 4/2009 của TAS như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 4/2010	Quý 4/2009	Chênh lệch	Biến động (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
I	Doanh thu	22.612	18.273	4.339	24
1	Môi giới	3.119	11.070	-7.950	-72
2	Tự doanh	1.347	3.800	-2.453	-65
3	Tư vấn	7.592	180	7.412	4.118
4	Doanh thu khác	10.554	3.214	7.331	228
II	Chi phí	18.035	13.064	4.971	38
1	Trực tiếp	14.379	10.808	4.298	43
2	Quản lý	3.655	2.983	672	23
III	Lợi nhuận trước thuế	4.577	5.207	-630	-12

So với cùng kỳ năm 2009, Quý 4/2010 lợi nhuận sau thuế giảm 12%; Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán giảm 72%; Doanh thu tự doanh chứng khoán giảm 65%; Doanh thu hoạt động tư vấn tăng 4.118%; Doanh thu khác (doanh thu từ dịch vụ mua quyền nhận tiền bán chứng khoán) tăng 228%.

Đối với TAS, môi giới chứng khoán và tự doanh là hoạt động chính mang lại vị thế cũng như nguồn thu chủ yếu cho TAS. Tuy nhiên, doanh thu của các lĩnh vực này phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường chứng khoán. Quý



4/2010, thị trường chứng khoán giảm điểm mạnh, giá trị giao dịch mỗi phiên thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2009.

Trước tình hình không mấy lạc quan của thị trường, nhà đầu tư thận trọng hơn trong quyết định đầu tư của mình. Giá trị giao dịch của nhà đầu tư tại TAS cũng giảm theo, do đó doanh thu môi giới của TAS trong quý 4/2010 giảm mạnh so với quý 4/2009.

Bên cạnh đó, trước sự sụt giảm của thị trường, TAS tập trung chủ yếu vào kiểm soát rủi ro là chủ yếu. Do đó, doanh thu tự doanh trong quý 4/2010 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2009 đồng thời chi phí trực tiếp của hoạt động kinh doanh chứng khoán cũng tăng nhiều hơn. Mặt khác, chi phí quản lý doanh nghiệp của TAS quý 4/2010 tăng nhiều so với quý 4/2009 do các khoản chi phí trả trước dài hạn và tài sản cố định mới được phân bổ chi phí và tính khấu hao từ năm 2010.

Mặc dù doanh thu tự vấn đầu tư và doanh thu từ dịch vụ mua quyền nhận tiền bán chứng khoán tăng nhưng do doanh thu môi giới, doanh thu tự doanh giảm mạnh đồng thời chi phí tăng đã làm cho kết quả kinh doanh Quý 4/2010 giảm 12% so với cùng kỳ năm 2009.

Bằng văn bản này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An trân trọng báo cáo giải trình biến động Kết quả kinh doanh quý 4/2010 tới Quý Sở.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu KT, HC

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TRẢNG AN



Trịnh Văn Toàn

